**PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**SÔNG NƯỚC TRONG TIẾNG MIỀN NAM**

**(Theo Trần Thị Ngọc Lang)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức:** Văn bản cung cấp cho em thông tin về phương ngữ địa phương của người dân miền Nam Bộ. Nguồn gốc và lí do vì sao mà các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn liền với sông nước. Qua những thông tin đó mà em thấy hiểu hơn về sự phong phú của tiếng Việt nói chung và tiếng địa phương miền Nam nói riêng.

**2. Năng lực**

**2.1. Về năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học (Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết).

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo (Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất).

**2.2. Về năng lực đặc thù:**

- Biết thuyết trình và thảo luận về một địa chỉ văn hoá.

**3. Phẩm chất:** Trân trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; thể hiện được thái độ, hành vi sống tích cực, tiến bộ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị:** Máy tính, bảng, giấy A0­, dụng cụ khác nếu cần.

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

**b. Sản phẩm:**

- Xem, đoán nội dung và trình bày miệng.

- Sản phẩm: Giới thiệu đúng theo hình ảnh trong clip.

# c. Tổ chức thực hiện

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

- Giáo viên chiếu video (chỉ có hình ảnh) về sông nước của con người miền Tây Nam Bộ. HS có 1 phút để đoán nội dung và 2 phút để lên làm MC giới thiệu.

# - GV đặt câu hỏi và chia sẻ video: <https://www.youtube.com/watch?v=TMkl7ginOCg>

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh nghe và suy ngẫm

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh giới thiệu hình cảnh trong clip

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong cuộc sống, chúng ta bắt gặp mỗi vùng miền một phương ngữ riêng. Văn bản tự đánh giá ngày hôm nay đưa chúng ta về những thông tin của phương ngữ người dân miền Nam Bộ. Nguồn gốc lý giải vì sao mà các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn với sông nước.

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH, TỰ ĐÁNH GIÁ**

**a. Mục tiêu:**

- Hoạt động nhằm giúp sinh hình thành kiến thức, kĩ năng thông tin về phương ngữ địa phương của người dân miền Nam Bộ. Nguồn gốc và lí do vì sao mà các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn liền với sông nước.

- Học sinhhiểu hơn về sự phong phú của tiếng Việt nói chung và tiếng địa phương miền Nam nói riêng.

**b. Sản phẩm:** Học sinh thực hiện bài đọc trong phần tự đánh giá

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Hoạt động làm bài trắc nghiệm**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1.** Dòng nào nêu đúng nguồn dẫn của văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam?  A. Báo Nhân Dân, ngày 18-9-2012, không có tác giả  B. Báo Lao Động, thứ Năm, ngày 18-9-2010, phóng viên tòa báo  C. Báo Thanh Niên, ngày 18-9-2012, Vietnamnet  D. Báo Sài Gòn Tiếp Thị, 18-9-2012, Trần Thị Ngọc Lang  **Câu 2**. Phần sa pô muốn nêu vấn đề gì?  **A**. Tác động của thiên nhiên đến môi trường sống, tính cách, tâm lí của con người và cách sử dụng ngôn từ đặc trưng của mỗi vùng, miền  B. Thiên nhiên và môi trường sống có tác động rất lớn đến cuộc sống, tính cách của con người và ảnh hưởng đến tâm lí mỗi vùng, miền  C. Tác động của thiên nhiên đến môi trường sống và tâm lí của con người và tâm lí đó sẽ ảnh hưởng đến tính cách mỗi vùng, miền  D. Thiên nhiên và môi trường sống có tác động rất lớn đến đời sống con người và làm thay đổi tính cách, tâm lí mỗi vùng, miền  **Câu 3**. Nội dung chính của văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam là gì?  A. Phản ánh ngôn ngữ Nam Bộ rất đa dạng, phong phú  B. Ca ngợi tiếng Nam Bộ rất giàu đẹp, sáng tạo  C. Giải thích vì sao phương ngữ Nam Bộ giàu có về các từ chỉ sông nước  D. So sánh từ chỉ địa danh các tỉnh Nam Bộ với các tỉnh Bắc và Trung Bộ  **Câu 4**. Dòng nào nêu đúng bố cục và cách trình bày văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam?  A. Có nhan đề, có chú thích cuối văn bản, có kênh hình  B. Có nhan đề, sa pô, có kết hợp kênh chữ và kênh hình  C. Có nhan đề, sa pô, tài liệu tham khảo cuối văn bản  D. Có nhan đề, sa pô, chú thích cuối văn bản  **Câu 5**. Câu văn nào sau đây thể hiện thái độ của người viết?  A. Khi thuyền chở đầy và nặng, không thể chở hơn được nữa, người ta nói là thuyền khẩm.  B. Từ đây dẫn đến một đặc điểm là đặt địa danh gắn liền với sông nước.  C. Số từ ngữ chỉ những sự vật, hiện tượng liên quan đến sông nước vì vậy vô cùng phong phú ...  D. Như vậy, một từ chỉ sông nước đã được dùng để gọi tên giao lộ của các con đường trong thành phố.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong phần tự đánh giá  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ đáp án câu hỏi trắc nghiệm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên tổ chức chữa bài và rút kinh nghiệm chung  **2. Hoạt động gợi ý tự luận:**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ qua hệ thống câu hỏi tự luận  **Câu 6**. Tác giả đã dẫn ra các từ ngữ nào để làm sáng tỏ nhận xét: “Số từ ngữ chỉ những sự vật, hiện tượng liên quan đến sông nước vì vậy vô cùng phong phú [...]"?  **Câu 7**. Mục đích của người viết văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam là gì? Câu văn, đoạn văn nào liên quan đến mục đích ấy?  **Câu 8**. Theo tác giả, vì sao các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn liền với sông nước?  **Câu 9.** Hình ảnh minh hoạ trong văn bản có tác dụng gì?  **Câu 10**. Văn bản mang lại cho em những thông tin bổ ích gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài đọc tự luận từ câu hỏi 6 đến 10 trong phần tự đánh giá  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên tổ chức chữa bài và rút kinh nghiệm chung | **1. Phần trắc nghiệm**  **Trắc nghiệm**:  1. D  2. A  3. A  4. B  5. C  **2. Phần tự luận:**  **Câu 6**. Tác giả đã dẫn ra một số từ ngữ như:  rạch, xẻo, con lươn, bùng binh, tắt, rỗng, vàm, lung, láng, bưng, bàu, cù lao, cồn, giồng...; nước lớn, nước ròng, nước rong, nước nổi, nước kém, nước đứng, nước nhửng, nước ương,...; ghe, tam bản, xuồng, vỏ lãi, tắc rằng,...  **Câu 7.**  - Mục đích của người viết văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam là: muốn nhấn mạnh tác động của thiên nhiên đến môi trường sống, tính cách, tâm lý của con người và tính cách, tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến cách sử dụng ngôn từ đặc trưng của mỗi vùng, miền.  - Câu văn, đoạn văn nào liên quan đến mục đích ấy là:  + Đoạn sa pô *"Nam Bộ là vùng đất sông nước, ruộng vườn. Sông rạch chằng chịt gắn bó bao đời với sinh hoạt, chi phối đời sống kinh tế cũng như đời sống tinh thần của con người. Bài viết này muốn nhấn mạnh tác động của thiên nhiên đến môi trường sống, tính cách, tâm lý của con người và tính cách, tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến cách sử dụng ngôn từ đặc trưng của mỗi vùng, miền."*  + Những từ ngữ này không chỉ đi vào lời ăn tiếng nói hằng ngày của người dân vùng đất này, là yếu tố cấu tạo của nhiều địa danh mà còn phản ánh bối cảnh sáng tác của nhiều câu hò, điệu hát dân gian và là mảnh đất tốt để nhà văn, nhờ thơ khai thác.  + Ngoài những ý nghĩa..... dùng theo nghĩa phái sinh để gọi tên những sự vật, hiện tượng khác theo cách mở rộng nghĩa.  **Câu 8.** Theo tác giả, các tỉnh miền Nam hay đặt địa danh gắn liền với sông nước vì phần lớn làng xã ở Nam Bộ đều nằm hai bên bờ sông rạch. Từ đây dẫn đến một đặc điểm là đặt địa danh gắn liền với sông nước.  **Câu 9.** Hình ảnh minh họa trong văn bản giúp cụ thể hóa lời thuyết minh trong văn bản. Từ đó, giúp văn bản trở nên hấp dẫn và thuyết phục hơn.  **Câu 10.** Văn bản cung cấp cho em thông tin về phương ngữ địa phương của người dân miền Nam Bộ. Nguồn gốc và lí do vì sao mà các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn liền với sông nước. Qua những thông tin đó mà em thấy hiểu hơn về sự phong phú của tiếng Việt nói chung và tiếng địa phương miền Nam nói riêng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT CHUNG**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Giúp học sinh hệ thống hóa kiến thức bài “Văn bản thông tin”.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời vấn đáp của giáo viên và học sinh

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đánh giá chung về nội dung bài học: Văn bản thông tin  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh lắng nghe và vấn đáp  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Kiến thức chung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên đánh giá và rút kinh nghiệm | **Tổng kết chung về Bài học**  **- Đọc hiểu:** Phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả, nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết...; tác dụng của các yếu tố hình thức như bốc cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu thông tin.  **- Tiếng Việt:** Nhận biết, phân tích và sửa lỗi về thành phần câu. Từ đó, có ý thức, viết câu đúng ngữ pháp.  **- Viết:** Viết được văn bản thuyết minh tổng gợp có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **- Nói – ngh**e: Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói, nhận xét, đánh giá được về nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. |

**HOẠT ĐỘNG 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Giúp thực hành đọc thêm một số văn bản thông tin.

**b. Sản phẩm:** Học sinh đọc thêm một số văn bản thông tin về:

**-** Sự cần thiết tôn trọng và tuân thủ pháp luật.

**-** Những phẩm chất và những thói hư tật xấu của người Việt Nam.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: chuẩn bị một số văn bản thông tin về các nội dung  - Sự cần thiết tôn trọng và tuân thủ pháp luật.  - Những phẩm chất và những thói hư tật xấu của người Việt Nam.  Văn bản: *Ca nhạc ở Miệt Vườn (*Trích *Văn minh Miệt Vườn)* của tác giả Sơn Nam (Sách giáo khoa Ngữ văn 11, trang 89, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc văn bản  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm thực hiện văn bản.  - Rút ra một số nội dung cơ bản từ văn bản đã đọc  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức | **văn bản đọc thêm:** *Ca nhạc ở Miệt Vườn (*Trích *Văn minh Miệt Vườn)* của tác giả Sơn Nam (Sách giáo khoa Ngữ văn 11, trang 89, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) |

**\*Tài liệu tham khảo**

- Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng Chủ biên), SGK Ngữ văn 11, tập 1, bộ Cánh diều, NXB Đại học Huế.

- Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng Chủ biên), SGV Ngữ văn 11, tập 1, bộ Cánh diều, NXB Đại học Huế.